TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;

2. Bà Phạm Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 4, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang, có mặt;

Bị đơn: Anh Lê Hữu L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 2, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Trần Thị Ngọc N trình bày: Hôn nhân giữa chị N và anh L do tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống.

Mâu thuẫn cứ tiếp tục kéo dài, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đã

không còn chung sống nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh L có 02 (hai) con chung tên Trần Lan A, sinh ngày 24/02/2013 và Trần Anh D, sinh ngày 14/11/2016. Hiện các con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn, anh Lê Hữu L trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến việc sống chung như vợ chồng như chị N trình bày và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu anh L và chị N chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn cứ tiếp tục kéo dài, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên đã không còn chung sống nhau từ năm 2021 cho đến nay. Anh L thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh L có 02 (hai) con chung tên Trần Lan A, sinh ngày 24/02/2013 và Trần Anh D, sinh ngày 14/11/2016. Hiện các con chung đang sống với chị N, khi ly hôn anh L đồng ý giao các con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải về tình cảm do chị N và anh L không đăng ký kết hôn;

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc N vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Lê Hữu L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố kết quả giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã X, thị xã Tân Châu về việc chị N "Từ trước đến nay chưa đăng ký kết hôn với ai" và biên bản lấy ý kiến cháu Trần Lan A trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Trần Thị Ngọc N khi cha, mẹ ly hôn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc N và bị đơn anh Lê Hữu L thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị Trần Thị Ngọc N và anh Lê Hữu L xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu đi đến tổ chức lễ cưới và sống chung năm 2012, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc N và anh Lê Hữu L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đồng thời chị N và anh L đều mong muốn được ly hôn. Do đó, có cơ sở không công nhận chị Trần Thị Ngọc N và anh Lê Hữu L là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị Ngọc N và anh Lê Hữu L có 02 con chung tên Trần Lan A, sinh ngày 24/02/2013 và Trần Anh D, sinh ngày 14/11/2016. Hiện các con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L đồng ý giao các con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc N và anh Lê Hữu L.

- *Về con chung:* Chị Trần Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung tên Trần Lan A, sinh ngày 24/02/2013 và Trần Anh D, sinh ngày 14/11/2016 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Hữu L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Đương sự phải tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu L. Anh L có nơi cư trú: Ấp 2, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2012, chị N và anh L tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu, chị N và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm sống và không còn chung sống nhau từ năm 2021 cho đến nay. Tình cảm giữa chị N và anh L không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh L, anh L đồng ý ly hôn với chị N.

Theo kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã X: Từ trước đến nay chị Trần Thị Ngọc N chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Chị N và anh L chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị Trần Thị Ngọc N và anh Lê Hữu L là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị N và anh L đồng thống nhất khai có 02 (hai) chung tên tên Trần Lan A, sinh ngày 24/02/2013 và Trần Anh D, sinh ngày 14/11/2016. Chị N được nuôi dưỡng các con chung tên Trần Lan A, sinh ngày

24/02/2013 và Trần Anh D, sinh ngày 14/11/2016 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L đồng thống nhất khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà đã nộp. Anh L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Ngọc N và anh Lê Hữu L là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Ngọc N được nuôi dưỡng các con chung tên Trần Lan A, sinh ngày 24/02/2013 và Trần Anh D, sinh ngày 14/11/2016 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Ngọc N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Hữu L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Ngọc N phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0006303 ngày 29 tháng

3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trần Thị Ngọc N đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Hữu L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị Ngọc N có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Lê Hữu L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Dẫm

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm